

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Khu dân cư Gốc Sưa, Thưởng, Trối Sâu, thôn Tân Bình,
xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 5588/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung đô thị Ngọc Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 4229/SXD-QH ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Gốc Sừa, Thường, Trối Sâu, thôn Tân Bình, xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (kèm theo Tờ trình số 188/TTr-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 của UBND huyện Thiệu Hóa).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Gốc Sừa, Thường, Trối Sâu, thôn Tân Bình, xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Gốc Sừa, Thường, Trối Sâu, thôn Tân Bình, xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa.

2. Phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực lập quy hoạch

- Phạm vi lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500: Thuộc địa giới hành chính của xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa (trong ranh giới quy hoạch chung đô thị Ngọc Vũ, huyện Thiệu Hóa); ranh giới khu đất cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp đất dân cư mới (DCM-13) và đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị (CXDT-04);

+ Phía Nam giáp đất thể dục thể thao (TDTT-06);

+ Phía Đông giáp đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị (CXDT-03);

+ Phía Tây giáp đất dân cư mới (DCM-05)

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: 71.563,4 m².

- Tính chất: Là khu dân cư mới, được đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật.

3. Các chỉ tiêu về dân số, đất đai, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật

- Quy mô dân số: 743 người.

- Chỉ tiêu nhóm nhà ở: 41,9 m²/người. Trong đó:

+ Đất ở mới 26.894,0 m² đạt chỉ tiêu đất ở mới: 36,2 m²/người.

+ Đất cây sử dụng công cộng 2.189,9 m² đạt chỉ tiêu 2,9 m²/người.

+ Đất công trình công cộng (nhà văn hóa) 536,40 m².

4. Cơ cấu sử dụng đất

4.1. Bảng cơ cấu sử dụng đất

	Nhóm chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất nhà ở	LK	26.894,0	37,6
II	Đất nhà văn hóa	NVH	536,7	0,7
III	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CV	2.189,5	3,1
IV	Đất thể dục thể thao	TDTT	1.312,0	1,8
V	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	HTKT	228,8	0,3
VI	Đất giao thông	DGT	40.402,4	56,5
Tổng diện tích quy hoạch			71.563,4	100,0

4.2. Bảng thống kê chỉ tiêu sử dụng đất

	Loại chức năng sử dụng của lô đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)	Hệ số sử dụng đất (lần)
I	Đất nhà ở		26.894,0			
1	Đất nhà ở liền kề 1	LK1	1.762,2	70-80	1-5	0,7-3,5
2	Đất nhà ở liền kề 2	LK2	2.662,2	70-80	1-5	0,7-3,5
3	Đất nhà ở liền kề 3	LK3	2.758,6	60-75	1-5	0,6-3,5
4	Đất nhà ở liền kề 4	LK4	2.737,0	60-75	1-5	0,6-3,5
5	Đất nhà ở liền kề 5	LK5	2.975,4	70-80	1-5	0,7-3,5
6	Đất nhà ở liền kề 6	LK6	2.737,0	70-80	1-5	0,7-3,5
7	Đất nhà ở liền kề 7	LK7	1.747,0	70-85	1-5	0,7-3,5
8	Đất nhà ở liền kề 8	LK8	1.664,8	70-85	1-5	0,7-3,5
9	Đất nhà ở liền kề 9	LK9	2.227,0	70-85	1-5	0,7-3,5
10	Đất nhà ở liền kề 10	LK10	2.219,0	70-85	1-5	0,7-3,5
11	Đất nhà ở liền kề 11	LK11	1.664,8	70-85	1-5	0,7-3,5
12	Đất nhà ở liền kề 12	LK12	1.739,0	70-85	1-5	0,7-3,5
II	Đất công cộng (nhà văn hóa)	NVH	536,7	30-40	1-2	0,8
III	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CV	2.189,5	3-5	1	0,03-0,05
IV	Đất thể dục thể thao	TDTT	1.312,0	-	-	-
V	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	HTKT	228,8	-	-	-
VI	Đất giao thông	DGT	40.402,4	-	-	-
1	Đất bãi đỗ xe	P	2.213,5			
2	Đất giao thông và HTKT	GT	38.188,9			
Tổng diện tích quy hoạch			71.563,4			

5. Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc

- Tổ chức cảnh quan: Cửa ngõ tiếp cận khu dân cư là trục cảnh quan và các trục ĐĐT.1, ĐĐT.3, ĐĐT.4 theo định hướng quy hoạch chung đô thị Ngọc Vũ, đây là các trục đối ngoại quan trọng định hình cho không gian cảnh quan cho toàn khu vực quy hoạch. Giải pháp tổ chức tổ chức không gian công viên cây xanh sử dụng công cộng và các tiện ích (bãi đỗ xe, nhà văn hóa...) tại khu vực lõi trung tâm của khu dân cư tạo nên các không gian mở liên kết hài hòa với khu vực công cộng lân cận theo định hướng quy hoạch chung và thuận tiện cho người dân sử dụng và tiếp cận.

- Các cụm nhà ở liền kề được nghiên cứu với nhiều kích thước đa dạng nhằm đáp ứng các nhu cầu cho người dân, bố trí kết hợp không gian cây xanh và diện tích đỗ xe đi kèm. Các công trình được xây dựng có mật độ xây dựng trung bình từ 70-85% để phù hợp cảnh quan cũng như điều kiện khí hậu tự nhiên.

- Tổ chức cảnh quan cây xanh được bố trí tại lõi khu dân cư kết hợp các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa làm tăng giá trị tập trung dân cư. Trong khu đất cây xanh được nghiên cứu bố trí các công trình kiến trúc chủ yếu là kiến trúc nhỏ, tạm như chòi nghỉ, dàn nắng nhằm tạo các điểm nhấn nhỏ.

- Phát triển kiến trúc theo xu hướng đa dạng về kích thước thửa đất đối với nhà ở và thống nhất về hình thức kiến trúc, màu sắc, vật liệu trên các tuyến đường, hài hòa với cảnh quan xung quanh, phù hợp với công năng sử dụng và văn hóa của địa phương.

6. Thiết kế đô thị

a) Chiều cao xây dựng

- Công trình công cộng (nhà văn hóa) chiều cao từ 1-2 tầng, trong đó chiều cao nền tầng 1 so với mặt vỉa hè là 0,45 m; cốt sàn và trần tầng 1 là 3,9 m.

- Công trình nhà ở liền kề có chiều cao 1-5 tầng, trong đó chiều cao nền tầng 1 so với mặt vỉa hè là 0,45 m; cốt sàn và trần tầng 1 là 3,9 m.

b) Mật độ xây dựng, tầng cao xây dựng, khoảng lùi công trình: Tuân thủ theo hồ sơ đồ án được phê duyệt; đồng thời tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD.

c) Kiến trúc điển hình

- Hình khối kiến trúc: Kiến trúc công trình hiện đại, thống nhất, liên kết hài hòa với thiên nhiên; trong đó tầng 1 thiết kế thuận tiện, đảm bảo an toàn tiếp cận giao thông cho các hộ dân; Tầng mái có thể kết cấu mái che chống nắng và thống nhất thẩm mỹ trong tổ chức kiến trúc mái các công trình.

- Màu sắc chủ đạo: Các công trình sử dụng màu sắc chủ đạo là màu sáng, kết hợp tông màu khác nhằm tạo điểm nhấn trên mặt đứng công trình, tùy loại hình và chức năng của công trình để lựa chọn.

- Hình thức kiến trúc chủ đạo: Loại hình công trình chủ đạo của khu vực là nhà liên kế được lựa chọn hình thức kiến trúc hiện đại, mặt đứng phù hợp với điều kiện khí hậu, đồng thời được thiết kế đồng bộ tạo hình ảnh liên kết giữa các công trình của toàn khu.

- Các thiết kế cây xanh cảnh quan: Các cây trồng trên đường phố, công viên, dải cây xanh và tại khuôn viên các công trình cần được nghiên cứu sử dụng phù hợp nhằm tăng tính thẩm mỹ cũng như tạo nên tính “chủ đề” cho từng không gian thiết kế. Cây xanh hè phố được bố trí khoảng giữa 2 lô đất, lựa chọn các loại cây phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương, ít sâu bệnh, ít phát triển rễ ngang. Cây bụi, hoa, cỏ sử dụng trong khu vực nghiên cứu là các loại cây trồng có khả năng sinh trưởng tốt, được sử dụng phổ biến. Khuyến khích lựa chọn các loại cây bản địa làm tăng giá trị cảnh quan đặc sắc cho đô thị.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước mặt

a) San nền

- Thiết kế san nền tuân thủ theo các cao độ khống chế của các trục trực đường, độ dốc, hướng dốc của khu vực, kết hợp với việc xem xét các cao độ hiện trạng các tuyến đường để đảm bảo tiêu thoát nước khu vực.

- San nền dốc theo hướng thoát nước mặt với độ dốc san nền nhỏ nhất là $i = 0,04\%$. Hướng dốc chung của toàn bộ khu vực theo hướng Bắc xuống Nam.

- Cao độ san nền thấp nhất +9.45 (m);

- Cao độ san nền cao nhất +9.90 (m).

- Nền các tuyến đường chính xây dựng mới đi qua ruộng, vườn... sẽ được bóc lớp đất hữu cơ, thảo mộc trước khi đắp nền, chiều dày trung bình 0,3 m.

b) Thoát nước mặt:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tự chảy hoàn toàn và là hệ thống riêng độc lập với hệ thống thoát nước thải.

- Hướng thoát chính: Thoát theo hướng Bắc xuống Nam để ra cửa xả, sau đó chảy xuống tiêu là hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Hệ thống thoát nước mưa sử dụng cống tròn bê tông cốt thép có kích thước từ D600 - D800.

- Thu gom nước mặt trên đường sử dụng hố ga thăm nước mưa và hố ga thu kết hợp thăm nước mưa, chảy vào các hệ thống cống tròn dọc các tuyến đường, sau đấy chảy về đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực theo quy hoạch chung đã duyệt. Độ dốc cống tối thiểu là $1/D$, Khoảng cách các hố ga đảm bảo 25 - 30 m.

c) Giải pháp hoàn trả hệ thống kênh tưới, tiêu hiện trạng:

- Hoàn trả hệ thống kênh thủy lợi bằng hệ thống mương BTCT B800 đi ngầm dưới vỉa hè.

- Hệ thống kênh, mương cải dịch, kiên cố hóa đi qua khu đô thị được phân định riêng về phạm vi đất dành cho công trình thủy lợi (xác định theo mặt cắt các tuyến đường giao thông liên quan); vật liệu hoàn thiện bề mặt và cao độ hoàn thiện đồng nhất với vỉa hè của tuyến đường.

7.2. Quy hoạch giao thông

- Giao thông khu vực (giao thông đối ngoại):

- + Mặt cắt 1-1 (đường ĐĐT.2 theo định hướng QHC đô thị Ngọc Vũ) có lộ giới rộng 36,0 m, trong đó lòng đường rộng $2 \times 10,5 \text{ m} = 21,0 \text{ m}$; dải phân cách rộng 3,0 m; vỉa hè rộng $2 \times 6 \text{ m} = 12,0 \text{ m}$;

- + Mặt cắt 2-2 (ĐĐT.1, ĐĐT.3 và ĐĐT.4 đường theo định hướng QHC đô thị Ngọc Vũ): có lộ giới rộng 20,5 m, trong đó lòng đường rộng 10,5 m; vỉa hè rộng $2 \times 5 \text{ m} = 10,0 \text{ m}$.

- Giao thông đối nội có mặt cắt 3-3 (Đường N1, N2, N3, N4, N5, N6) có lộ giới rộng 17,5 m; trong đó lòng đường rộng 7,5 m; vỉa hè rộng $2 \times 5 \text{ m} = 10,0 \text{ m}$.

7.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Tổng nhu cầu nước cấp: 233,05 $\text{m}^3/\text{ngđ}$.

- Nguồn nước sạch cấp cho khu vực lấy từ đường ống cấp nước D160 trên các tuyến đường đối ngoại, tuân thủ định hướng quy hoạch chung đã phê duyệt.

- Giải pháp mạng lưới được chọn là mạng vòng kết hợp với mạng cụt cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt, cứu hỏa và mọi nhu cầu khác; Đường ống cấp nước chính D110mm có chức năng truyền dẫn cung cấp nước, các đường ống dịch vụ D50mm dọc theo các tuyến đường quy hoạch cung cấp trực tiếp cho các hộ dùng nước vào bể chứa được xây dựng trực tiếp trong công trình.

7.4. Quy hoạch thoát nước thải

- Tổng lưu lượng nước thải: 89,85 m³/ngđ.
- Hệ thống thoát nước thải là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn giữa nước thải và nước mưa. Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân trong khu vực được thu gom bằng đường ống D110 - D150 đấu nối với đường ống D300 đặt ngầm dưới vỉa hè các tuyến đường giao thông qua các ga nước thải. Sau đó chảy vào hệ thống bể xử lý nước thải đảm bảo các yêu cầu về an toàn môi trường trước khi thoát vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực.
- Dọc theo các tuyến rãnh, cống thoát nước thải bố trí các hố ga nước thải (giếng thăm) tại điểm xả các công trình, tại vị trí thay đổi tiết diện rãnh, cống, chuyển hướng rãnh, cống để nạo vét bảo dưỡng định kì và sửa chữa.
- Giai đoạn trước mắt khi chưa có hệ thống trạm xử lý nước thải chung của khu vực theo định hướng quy hoạch chung, nước thải từ khu dân cư sẽ được thu gom về bể xử lý nước thải công suất 89,85 m³/ngđ; sau khi xử lý đạt các yêu cầu về vệ sinh môi trường sẽ được đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực. Giai đoạn lâu dài nước thải khu dân cư sẽ được đấu nối vào hệ thống nước thải chung của khu vực theo định hướng quy hoạch chung đô thị Ngọc Vũ.

7.5. Quy hoạch cấp điện, chiếu sáng đô thị

- Tổng nhu cầu công suất dùng điện là: 635KVA.
- Nguồn cấp điện cho khu dân cư từ đường dây 35 kV chạy ngang qua khu vực nghiên cứu quy hoạch, tuân thủ định hướng quy hoạch chung đã duyệt.
- Đầu tư xây dựng mới 01 trạm biến áp công suất 1x635KVA-35/04 kV. Có vị trí dự kiến tại khu đất bãi đỗ xe trong khu vực.
- Lưới điện hạ thế trong khu vực quy hoạch được sử dụng cáp ngầm XLPE dọc theo các trục đường chính dẫn đến tủ điện rồi phân phối đến các phụ tải điện. Các tuyến cáp hạ thế khu vực xây dựng ngầm dưới hè đường trong rãnh cáp.
- Quy hoạch chiếu sáng cho toàn bộ các tuyến đường trong khu vực lập quy hoạch bằng bóng đèn led. Nguồn điện cấp cho tủ điện điều khiển chiếu sáng sẽ lấy từ 1 lộ trong tủ phân phối điện hạ thế của trạm biến áp.

7.6. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

Tổ chức thông tin liên lạc (truyền hình, truyền số liệu, truy nhập internet và mạng truyền thanh/hình, công nghệ thông tin khác...) được bố trí theo hệ thống hạ tầng kỹ thuật dùng chung theo quy định. Nhu cầu khoảng 743 thuê bao.

8. Giải pháp tái định cư và bảo vệ môi trường

a) Giải pháp tái định cư: Bên trong ranh giới lập quy hoạch không có đất ở hiện trạng. Do đó, quy hoạch chưa xác định bố trí các quỹ đất ở tái định cư.

b) Giải pháp bảo vệ môi trường

Thực hiện các giải pháp đồng bộ để bảo vệ môi trường đô thị.

- Bảo vệ môi trường không khí: Giảm lượng bụi, tiếng ồn và dầu mỡ trong khu vực xây dựng bằng biện pháp tưới nước trên đường vận chuyển vật liệu, đất của công trình; Sử dụng máy có mức độ hoạt động tốt và nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

- Bảo vệ môi trường nước: Đối với những khu vực trong mặt bằng xây dựng bị đọng nước do mưa hoặc có khả năng gây úng ngập cho công trình xung quanh phải tổ chức rãnh thoát nước và không ảnh hưởng đến dòng chảy của khu vực, tách dầu mỡ khỏi bùn đất.

- Biện pháp xử lý chất thải: Theo quy mô của khu vực quy hoạch, các chất thải chủ yếu là rác thải sinh hoạt. Sau khi phân loại tại nguồn chất thải được vận chuyển tới điểm tập kết CTR sinh hoạt.

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động xây dựng đô thị, đặc biệt là xây dựng dự án tại các khu vực trữ nước vào mùa mưa, khu vực san gạt để đảm bảo môi trường cảnh quan và các tác động tiêu cực tới môi trường đô thị. Áp dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật, thực hiện các biện pháp, kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu để ứng phó với các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu.

- Trong quá trình hoạt động của khu đô thị phải đảm bảo thực hiện đúng theo giải pháp thiết kế về thu gom xử lý nước thải, rác thải sinh hoạt đã được xác định trong đồ án quy hoạch. Có biện pháp giám sát, theo dõi thường xuyên chất lượng môi trường với các trọng tâm, trọng điểm hợp lý, cảnh báo kịp thời các diễn biến bất thường hay nguy cơ ô nhiễm, suy thoái môi trường để có biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề về môi trường. Thường xuyên tuyên truyền, xây dựng nội quy, quy chế nhằm nâng cao ý thức của nhân dân trong việc bảo vệ môi trường.

9. Những hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực để thực hiện; danh mục các công trình xây dựng trong khu vực quy hoạch

- Những hạng mục ưu tiên đầu tư: Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của khu vực bao gồm: san nền, xây dựng hệ thống đường

giao thông thông nội bộ, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, cấp điện, chiếu sáng, hạ tầng viễn thông; các khuôn viên cây xanh phục vụ công cộng.

- Nguồn lực thực hiện: Từ nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn xã hội hóa khác.

- Danh mục các công trình xây dựng trong khu vực quy hoạch: đầu tư xây dựng Nhà văn hóa, Nhà ở liên kề, sân thể thao và các hạng mục công trình phụ trợ.

10. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết đô thị

Ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết đô thị theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Gốc Sứa, Thưởng, Trối Sâu, thôn Tân Bình, xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa kèm theo quyết định phê duyệt đồ án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Thiệu Hóa có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh hồ sơ được duyệt theo quy định, tổ chức bàn giao bàn giao hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cho Sở Xây dựng, Viện Quy hoạch – Kiến trúc Thanh Hóa, địa phương, và các đơn vị liên quan để lưu giữ, quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch chung được duyệt chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được phê duyệt theo quy định tại khoản 12 Điều 29 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018.

- Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch có liên quan bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ với đồ án quy hoạch được duyệt.

- Lập kế hoạch thực hiện quy hoạch, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch đô thị.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị ranh giới quy hoạch, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) để quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa có trách nhiệm thực hiện đăng tải nội dung hồ sơ quy hoạch được duyệt lên cổng thông tin điện tử Quốc gia www.quyhoach.xaydung.gov.vn.

3. Sở Xây dựng và các sở ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hóa, Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

H7.(2024)QDPD_QHCT Goc Sua

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm